

Số: 1760/QĐ-UBND

Mường La, ngày 05 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh mục đầu tư các công trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn huyện Mường La**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 77/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh Sơn La về việc quy định mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách nhà nước cho một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 3167/QĐ-UBND ngày 10/12/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách địa

phương (đợt 2), vốn các chương trình mục tiêu quốc gia và vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ làm nhà ở cho người có công;

Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 và năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của UBND huyện Mường La về việc phê duyệt danh mục công trình đầu tư trung hạn thuộc nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia phân cấp cho huyện giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Báo cáo số 152/BC-TT HĐND ngày 21/6/2018 của Thương trực HĐND huyện Mường La về việc nhất trí phê duyệt danh mục công trình đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông báo số 1101-TB/HU ngày 29/6/2018 của Ban Thường vụ Huyện ủy Mường La về việc nhất trí phê duyệt danh mục công trình đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 592/BCTĐSKHĐT ngày 20/7/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La về kết quả thẩm định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn các dự án khởi công mới năm 2019-2020 thuộc Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới huyện Mường La; Báo cáo thẩm định số 755/BCTĐ-SKHĐT ngày 18/8/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án khởi công mới năm 2019-2020 thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới huyện Mường La (bổ sung);

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 811/BCTĐ-SKHĐT ngày 05/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La về kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2019-2020 thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững huyện Mường La;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 544/TTr-TCKH ngày 05/10/2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt danh mục đầu tư các công trình thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn huyện Mường La, như sau:

- 1. Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Mường La.
- 2. Địa điểm xây dựng:** Các xã trên địa bàn huyện Mường La.
- 3. Tổng số công trình:** 77 công trình đầu tư mới, trong đó 27 công trình thuộc Chương trình 30a, 11 công trình thuộc Chương trình 135, 39 công trình thuộc Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới.

**4. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 167.821,492 triệu đồng** (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bảy tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Trong đó:

**4.1. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững - Chương trình 30a:** 71.262,337 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước (Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững - Chương trình 30a): 61.197,324 triệu đồng.

- Nguồn vốn lồng ghép (Lồng ghép nguồn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững - Chương trình 135): 9.352,390 triệu đồng

- Nhân dân đóng góp: 712,623 triệu đồng.

**4.2. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững - Chương trình 135:** 9.230,910 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước (Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững - Chương trình 135): 9.111,910 triệu đồng.

- Nhân dân đóng góp: 119,0 triệu đồng.

**4.3. Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới:** 87.328,245 triệu đồng.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước (Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới): 79.491,877 triệu đồng.

- Nhân dân đóng góp: 7.836,369 triệu đồng.

**5. Nguồn vốn đầu tư:** Nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững + xây dựng nông thôn mới + Nhân dân đóng góp.

**6. Thời gian thực hiện:** Năm 2019-2020.


(Có biểu số 01, 02, 03 chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Giao Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 28/8/2018, 1559/QĐ-UBND ngày 28/8/2018, 1675/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của UBND huyện Mường La./.

**Nơi nhận:**

- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT. 

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Thành**



**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2019-2020**  
**THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI PHÓNG BÈN VỮNG - CHƯƠNG TRÌNH 30A GIAI ĐOẠN 2016-2020, HUYỆN MƯỜNG LA**

(Kèm theo Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của UBND huyện Mường La)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn NSNN trung hạn 2019-2020				Ghi chú	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Vốn nhân dân đóng góp		
						NSTW	Dân góp		Nguồn vốn Chương trình 30a	Nguồn vốn lồng ghép			
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>71.262,337</b>	<b>70.549,714</b>	<b>712,623</b>	<b>70.549,714</b>	<b>61.197,324</b>	<b>9.352,390</b>	<b>712,623</b>		
1	Đường Pá Chiến - bản Pét - bản Tôm	Ban QLDA ĐTXD	Tạ Bú	6,5 km	2019	6.462,337	6.397,714	64,623	6.397,714	4.097,714	2.300,000	64,623	Lồng ghép nguồn vốn 135
2	Đường giao thông bản Ún 2 - Nà Thươn	Ban QLDA ĐTXD	Mường Chùm	5 km	2020	4.000,000	3.960,000	40,000	3.960,000	3.470,000	490,000	40,000	Lồng ghép nguồn vốn 135
3	Đường giao thông Nà Lửa - Pá Liêng	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Hoa	2km	2019	1.600,000	1.584,000	16,000	1.584,000	1.194,000	390,000	16,000	Lồng ghép nguồn vốn 135
4	Nâng cấp đường giao thông Bán Áng - Nà Lửa	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Hoa	2km	2020	1.600,000	1.584,000	16,000	1.584,000	1.584,000	-	16,000	
5	Đường Lửa Luông - Nà Phia	Ban QLDA ĐTXD	Pi Toong	700m	2020	1.000,000	990,000	10,000	990,000	922,610	67,390	10,000	Lồng ghép nguồn vốn 135
6	Đường Bản Lê - Bản Đông	Ban QLDA ĐTXD	Hua Trai	2km	2019	1.800,000	1.782,000	18,000	1.782,000	1.782,000	-	18,000	
7	Nâng cấp đường Pá Sóng - Huổi Hậu	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Lao	3km	2020	2.500,000	2.475,000	25,000	2.475,000	1.025,000	1.450,000	25,000	Lồng ghép nguồn vốn 135
8	Đường Mường Giôn - Nậm Giôn đến bản Huổi Sán	Ban QLDA ĐTXD	Nậm Giôn	4km	2019	3.800,000	3.762,000	38,000	3.762,000	2.842,000	920,000	38,000	Lồng ghép nguồn vốn 135
9	Thủy lợi bản Ten	Ban QLDA ĐTXD	Pi Toong		2019	2.700,000	2.673,000	27,000	2.673,000	2.673,000	-	27,000	
10	Thủy lợi bản Tạy	Ban QLDA ĐTXD	Pi Toong		2020	2.500,000	2.475,000	25,000	2.475,000	2.475,000	-	25,000	
11	Thủy lợi Hán Trạng	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Ân		2019	2.700,000	2.673,000	27,000	2.673,000	1.473,000	1.200,000	27,000	Lồng ghép nguồn vốn 135
12	Nước sinh hoạt bản Phiêng, xã Pi Toong	Ban QLDA ĐTXD	Pi Toong	80 hộ	2020	3.000,000	2.970,000	30,000	2.970,000	2.970,000	-	30,000	
13	Thủy lợi Kéo Hóm	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Công		2019	2.000,000	1.980,000	20,000	1.980,000	1.980,000	-	20,000	
14	Thủy lợi bản Ô	Ban QLDA ĐTXD	Hua Trai		2020	2.000,000	1.980,000	20,000	1.980,000	1.980,000	-	20,000	
15	Nước sinh hoạt thôn Tạ Bú	Ban QLDA ĐTXD	Tạ Bú		2019	2.000,000	1.980,000	20,000	1.980,000	1.980,000	-	20,000	
16	Nước sinh hoạt bản Hua Kim	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Muôn	45 hộ	2019	2.000,000	1.980,000	20,000	1.980,000	1.980,000	-	20,000	

TT	Danh mục dự án	Đơn vị đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn NSNN trung hạn 2019-2020				Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng cộng	Trong đó		Vốn nhân dân đóng góp	
							NSTW	Dân góp		Nguồn vốn Chương trình 30a	Nguồn vốn lồng ghép		
17	Nước sinh hoạt bản Pha Xe	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Hoa	30 hộ	2019	2.100,000	2.079,000	21,000	2.079,000	699,000	1.380,000	21,000	Lồng ghép nguồn vốn 135
18	Nước sinh hoạt Phiêng Phé	Ban QLDA ĐTXD	Hua Trai	49 hộ	2020	2.000,000	1.980,000	20,000	1.980,000	1.980,000	-	20,000	
19	Nước sinh hoạt Huổi Lạ - Nặm Lót	Ban QLDA ĐTXD	Hua Trai	30 hộ	2019	2.000,000	1.980,000	20,000	1.980,000	1.980,000	-	20,000	
20	Nước sinh hoạt bản Co Chai	Ban QLDA ĐTXD	Mường Chùm	50 hộ	2020	2.000,000	1.980,000	20,000	1.980,000	1.980,000	-	20,000	
21	Nước sinh hoạt Pủ Dánh	Ban QLDA ĐTXD	Ngọc Chiến	50 hộ	2020	2.000,000	1.980,000	20,000	1.980,000	1.980,000	-	20,000	
22	Điện trung thế, hạ thế bản Hán Trạng	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Ân	33 hộ	2019	3.246,500	3.214,035	32,465	3.214,035	3.214,035	-	32,465	
23	Điện trung thế, hạ thế bản Co Sủ Dưới	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Công	36 hộ	2019	3.713,500	3.676,365	37,135	3.676,365	3.676,365	-	37,135	
24	Điện trung thế, hạ thế bản Pá Múa	Ban QLDA ĐTXD	Hua Trai	85 hộ	2019	2.670,500	2.643,795	26,705	2.643,795	2.643,795	-	26,705	
25	Điện trung thế, hạ thế bản Cát Linh	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Muôn	42 hộ	2020	4.161,000	4.119,390	41,610	4.119,390	4.119,390	-	41,610	
26	Điện trung thế, hạ thế bản Huổi Liếng	Ban QLDA ĐTXD	Nặm Păm		2019	3.500,000	3.465,000	35,000	3.465,000	2.310,000	1.155,000	35,000	Lồng ghép nguồn vốn 135
27	Điện trung thế, hạ thế bản Chom Khâu	Ban QLDA ĐTXD	Ngọc Chiến	55 hộ	2020	2.208,500	2.186,415	22,085	2.186,415	2.186,415	-	22,085	

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2019-2020**  
**THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG - CHƯƠNG TRÌNH 135 GIAI ĐOẠN 2016-2020, HUYỆN MƯỜNG LA**

(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của UBND huyện Mường La)

Đơn vị: Triệu đồng



TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư			Dự kiến kế hoạch vốn NSNN trung hạn 2019-2020			Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tổng cộng	Vốn NSTW	Vốn nhân dân đóng góp	
							NSTW	Đan góp				
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>9.230,910</b>	<b>9.111,910</b>	<b>119,000</b>	<b>9.230,910</b>	<b>9.111,910</b>	<b>119,000</b>	
1	Chợ Mường Trai	Ban QLDA ĐTXD	Mường Trai		2019	1.400,000	1.386,000	14,000	1.400,000	1.386,000	14,000	
2	Nhà văn hóa bản Co Bay, thị trấn Ít Ong	Ban QLDA ĐTXD	Ít Ong		2020	810,000	800,000	10,000	810,000	800,000	10,000	
3	Nhà văn hóa bản Hua Nà, thị trấn Ít Ong	Ban QLDA ĐTXD	Ít Ong		2019	810,000	800,000	10,000	810,000	800,000	10,000	
4	Nhà văn hóa bản Nà Lo, thị trấn Ít Ong	Ban QLDA ĐTXD	Ít Ong		2020	810,000	800,000	10,000	810,000	800,000	10,000	
5	Đường vành đai đến bản Huổi Ban	Ban QLDA ĐTXD	Mường Trai		2020	1.435,910	1.425,910	10,000	1.435,910	1.425,910	10,000	
6	Nhà văn hóa bản Ít Bon	Ban QLDA ĐTXD	Ít Ong		2020	810,000	800,000	10,000	810,000	800,000	10,000	
7	Nước sinh hoạt Tắc Te, bản Nà Xi, xã Mường Bú	Ban QLDA ĐTXD	Mường Bú		2019	710,000	700,000	10,000	710,000	700,000	10,000	
9	Đường giao thông bản Huổi Hiều	Ban QLDA ĐTXD	Mường Chùm		2019	715,000	700,000	15,000	715,000	700,000	15,000	
10	Đường giao thông bản Nong Chạy	Ban QLDA ĐTXD	Mường Chùm		2020	1.215,000	1.200,000	15,000	1.215,000	1.200,000	15,000	
11	Đường giao thông bản Co Tông	Ban QLDA ĐTXD	Mường Chùm		2019	515,000	500,000	15,000	515,000	500,000	15,000	




**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2019-2020  
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2016-2020, HUYỆN MƯỜNG LA**

*(Kèm theo Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2018 của UBND huyện Mường La)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch trung hạn 2019-2020			Ghi chú
							Tổng cộng	Trong đó		
								Vốn NSNN	Vốn nhân dân đóng góp	
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>87.328,245</b>	<b>87.328,245</b>	<b>79.491,877</b>	<b>7.836,369</b>	
1	Công trình nhà văn hóa bản Lè	Ban QLDA ĐTXD	Hua Trai	100m2	2019	1.319,825	1.319,825	923,878	395,948	
2	Công trình nhà văn hóa bản Nà Trà	Ban QLDA ĐTXD	Pi Toong	100m2	2019	1.300,000	1.300,000	910,000	390,000	
3	Công trình thủy lợi bản Ngoạng	Ban QLDA ĐTXD	Mường Bú	1,6km	2020	2.200,000	2.200,000	1.980,000	220,000	
4	Công trình thủy lợi bản Pú Luông	Ban QLDA ĐTXD	Mường Bú	800m	2020	1.800,000	1.800,000	1.620,000	180,000	
5	Công trình thủy lợi bản Cúp	Ban QLDA ĐTXD	Mường Bú	1,2km	2020	2.100,000	2.100,000	1.890,000	210,000	
6	Công trình thủy lợi bản Cuông Mường	Ban QLDA ĐTXD	Mường Chùm	250m	2020	1.700,000	1.700,000	1.530,000	170,000	
7	Công trình thủy lợi bản Tà Từ	Ban QLDA ĐTXD	Mường Chùm	500m	2020	1.800,000	1.800,000	1.710,000	90,000	
8	Công trình thủy lợi bản Chiến	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng San	300m	2019	1.500,000	1.500,000	1.425,000	75,000	
9	Công trình thủy lợi bản Hua Đán	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Muôn		2019	4.500,000	4.500,000	4.275,000	225,000	
10	Công trình thủy lợi bản Chông	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Hoa	600m	2019	2.000,000	2.000,000	1.900,000	100,000	
11	Công trình thủy lợi bản Nà Cưa	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Hoa		2020	3.600,000	3.600,000	3.420,000	180,000	

TT	 Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch trung hạn 2019-2020			Ghi chú
							Tổng cộng	Trong đó		
								Vốn NSNN	Vốn nhân dân đóng góp	
12	Công trình thủy lợi bản Tốc Tát Dưới	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Công	1,7km	2019	2.000,000	2.000,000	1.900,000	100,000	
13	Công trình thủy lợi bản Pá Xá Hồng	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Ân	1,2km	2019	3.000,000	3.000,000	2.850,000	150,000	
14	Công trình thủy lợi bản Xạ Súng	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Ân		2019	4.200,000	4.200,000	3.990,000	210,000	
15	Công trình thủy lợi bản Pá Chiến	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng San	1km	2020	2.000,000	2.000,000	1.900,000	100,000	
16	Công trình thủy lợi bản Nà Tâu	Ban QLDA ĐTXD	Ngọc Chiến		2019	2.000,000	2.000,000	1.900,000	100,000	
17	Công trình nước sinh hoạt bản Pật	Ban QLDA ĐTXD	Mường Chùm	124 hộ	2020	2.200,000	2.200,000	1.760,000	440,000	
18	Sửa chữa nước sinh hoạt bản Púng Quài	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng San	52 hộ	2020	2.000,000	2.000,000	1.600,000	400,000	
19	Công trình nước sinh hoạt bản Pú Pầu	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng San	26 hộ	2019	1.000,000	1.000,000	900,000	100,000	
20	Công trình nước sinh hoạt bản Khâu Ban	Ban QLDA ĐTXD	Mường Trai		2020	3.000,000	3.000,000	2.700,000	300,000	
21	Công trình nước sinh hoạt bản Nong Hùn	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Công	47 hộ	2020	2.500,000	2.500,000	2.250,000	250,000	
22	Công trình nước sinh hoạt bản Nậm Hồng	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Công	115 hộ	2020	3.500,000	3.500,000	3.150,000	350,000	
23	Công trình nước sinh hoạt bản Tào ván	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Công	52 hộ	2019	2.500,000	2.500,000	2.250,000	250,000	
24	Công trình nước sinh hoạt bản Huổi Sán	Ban QLDA ĐTXD	Nậm Giôn	51 hộ	2020	1.900,000	1.900,000	1.710,000	190,000	
25	Công trình nước sinh hoạt bản Huổi Ngán	Ban QLDA ĐTXD	Nậm Giôn	57 hộ	2020	1.900,000	1.900,000	1.710,000	190,000	
26	Công trình nước sinh hoạt bản Pá Mông	Ban QLDA ĐTXD	Nậm Giôn	48 hộ	2019	2.800,000	2.800,000	2.660,000	140,000	



TT	Danh mục dự án 	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Dự kiến kế hoạch trung hạn 2019-2020			Ghi chú
							Tổng cộng	Trong đó		
								Vốn NSNN	Vốn nhân dân đóng góp	
27	Công trình nước sinh hoạt bản Tạ Pa Chư	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Ân	37 hộ	2019	2.800,000	2.800,000	2.520,000	280,000	
28	Công trình nước sinh hoạt bản Tạ Bú	Ban QLDA ĐTXD	Tạ Bú	59 hộ	2020	2.500,000	2.500,000	2.250,000	250,000	
29	Công trình nước sinh hoạt bản Bắc	Ban QLDA ĐTXD	Tạ Bú	53 hộ	2019	2.400,000	2.400,000	2.160,000	240,000	
30	Công trình nước sinh hoạt bản Nậm Hồng	Ban QLDA ĐTXD	Hua Trai	39 hộ	2019	1.800,000	1.800,000	1.620,000	180,000	
31	Công trình nước sinh hoạt bản Nà Trờ - Nà Núa	Ban QLDA ĐTXD	Pi Toong	227 hộ	2019	3.500,000	3.500,000	3.150,000	350,000	
32	Công trình thủy lợi bản Pậu	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Lao	1,7km	2019	2.100,000	2.100,000	1.890,000	210,000	
33	Thủy lợi Huổi Có bản Nong Quài	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Muôn	6km; 25ha	2019	3.000,000	3.000,000	2.850,000	150,000	
34	Thủy lợi bản Pá Múa	Ban QLDA ĐTXD	Hua Trai	2km	2020	1.208,420	1.208,420	1.147,999	60,421	
35	Thủy lợi bản Nậm Khít	Ban QLDA ĐTXD	Hua Trai	2km	2020	1.300,000	1.300,000	1.235,000	65,000	
36	NSH bản Lửa Luông	Ban QLDA ĐTXD	Pi Toong		2020	1.300,000	1.300,000	1.170,000	130,000	
37	Sửa chữa NSH bản Co Tông	Ban QLDA ĐTXD	Mường Chùm	81 hộ	2019	1.200,000	1.200,000	1.080,000	120,000	
38	Nâng cấp Thủy lợi Chom Khâu	Ban QLDA ĐTXD	Ngọc Chiến	20ha	2020	1.900,000	1.900,000	1.805,000	95,000	
39	Nước sinh hoạt bản Nà Tâu	Ban QLDA ĐTXD	Ngọc Chiến	101 hộ	2019	2.000,000	2.000,000	1.800,000	200,000	